

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 292/2019/DS-PT;
Ngày: 24/10/2019;
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**;

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**;

Ông **Nguyễn Song Bình**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh**, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Thắm** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2019/QĐXX-PT ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Điều Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1984; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11/5D, đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: **Cao Hoàng O**, sinh năm 1960; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 801, Đường N, ấp 1, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Phạm Chí H**, sinh năm 1959; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 46, đường P, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngô Thị P**, sinh năm 1960; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 292, đường A, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Phạm Chí H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn ông **Điều Nguyễn Hồng P** trình bày:

Ngày 20/8/2012, ông Phạm Chí H có hỏi vay tiền ông P và hai bên đã làm hợp đồng vay tiền, ông P có cho ông H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 (một) năm từ ngày 20/8/2012 đến ngày 20/8/2013;

Tại hợp đồng vay tiền, ông H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 436425 vào sổ số H03600 cấp ngày 06/3/2008 mang tên Phạm Chí H tại ấp P, xã T để làm biện pháp bảo đảm hợp đồng vay, nhưng sau đó ông H mượn lại giấy này và thay bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 895492, thửa đất số 123, tờ bản đồ số 31, diện tích 193m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, sau đó ông H cũng mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã dùng để thay thế.

Từ khi vay đến nay ông H không trả lại cho ông khoản tiền nào. Nay ông yêu cầu ông H trả cho ông P nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và toàn bộ chi phí giám định chữ viết, chữ ký tên Phạm Chí H do ông H không thừa nhận chữ ký, chữ viết Phạm Chí H ở trang 04 trong hợp đồng là của ông H, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Phạm Chí H trình bày:

Vào cuối năm 2011, ông có mở một quán cà phê gần Nhà văn hóa phường 5, lộ T (Nay là đường P). Tại đây ông có quen với bà Ngô Thị P, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 292, đường A, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bà P biết ông có hai phần đất tọa lạc tại xã T và ấp P, xã M nên hỏi mua và ông đồng ý bán. Ông có giao cho bà P giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phiêu giấy AM 436425 tại ấp P, xã T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 895492, thửa đất số 123, tờ bản đồ số 31, diện tích 193m² tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho bà P giữ làm thủ tục chuyển nhượng vì ông đang đi làm nên không có thời gian.

Sau đó bà P làm hợp đồng vay nợ và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phiêu giấy AM 436425 tại ấp P, xã T của ông cho ông B (tên thường gọi của ông P). Vì cả nể bà P nên ông có đứng tên trên hợp đồng vay nợ và để bà P lấy giấy tờ đất nêu trên làm tài sản thế chấp. Thực tế qua hợp đồng này thì phần tiền mặt do bà P nhận còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông do ông P giữ. Sau đó bà P tự thay thế bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 895492 để lấy lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ AM 436425 trả lại cho ông và sau đó bà P cũng đã trả lại cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 895492. Hiện ông đã bán hai thửa đất của các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ông chỉ gặp ông P vài lần vào năm 2012 thông qua bà P, vì thế khi bà P đã trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì đương nhiên bà P đã thanh toán tiền vay cho ông P. Từ khi ông bán hai thửa đất đến nay ông P

không có ý kiến gì. Nay ông P khởi kiện đòi ông trả số tiền 150.000.000 đồng ông không đồng ý vì ông không có vay tiền của ông P và hợp đồng đã quá thời hiệu không còn giá trị. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết tên “Phạm Chí H” đại diện bên B tại trang 03 trong hợp đồng vay tiền và chữ ký và chữ viết đại diện bên B ngày 21/01/2013 tại trang 04 của hợp đồng là của ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điều Nguyễn Hồng P.

Buộc bị đơn ông Phạm Chí H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Điều Nguyễn Hồng P số tiền nợ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và chi phí giám định số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 23 tháng 5 năm 2019, bị đơn ông Phạm Chí H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét hủy bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phạm Chí H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, ông H không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng và 1.200.000 đồng chi phí giám định.

Ông Cao Hoàng O – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Điều Nguyễn Hồng P có lập luận cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của của bị đơn ông Phạm Chí H là không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn anh Điều Nguyễn Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P và bà P.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của các đương sự là tranh chấp “Đòi tài sản” là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định về thời hiệu khởi kiện: “Đối với tranh chấp đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện”.

[3] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ngày 20/8/2012, ông Phạm Chí H có vay tiền của anh Điều Nguyễn Hồng P với số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày vay, ông H đã nhận đủ tiền. Theo ông P trình bày đã quá thời hạn 01 năm kể từ ngày vay cho đến nay, ông H không thanh toán số tiền vay gốc cho anh P. Còn ông H trình bày không nhận tiền từ anh P nên hai bên phát sinh tranh chấp. Anh P khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền 150.000.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Chí H:

- Về nội dung tranh chấp: Ông H cho rằng bà Ngô Thị P có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và nhờ ông ký tên vào hợp đồng vay để bà P thế chấp vay tiền của ông P. Tuy nhiên, sau khi thế chấp bà P đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Do ông không phải là người vay tiền nên không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của anh P.

Xét thấy, theo Điều 4 của Hợp đồng vay tiền lập ngày 20/3/2012 do các bên đã ký kết thể hiện: “Bên B bằng lòng thế chấp (hoặc cầm cố) tài sản thuộc sở hữu của mình là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 436425 và giao toàn bộ bản chính giấy chủ quyền tài sản cho bên A giữ.

Khi đáo hạn, bên B đã thanh toán tất cả vốn và lãi cho bên A, thì bên A hoàn trả và trao trả lại bản chính giấy chủ quyền tài sản đã đưa ra bảo đảm cho bên B.”

Quá trình giải quyết vụ án các bên thống nhất thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H thế chấp cho anh P đã được anh P trả lại cho ông H và

ông H đã chuyển nhượng phần đất dung để thế chấp cho người khác từ lâu. Do đó, lời trình bày của ông H cho rằng không còn nợ tiền anh P là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Chí H không đồng ý hoàn lại cho anh P số tiền 1.200.000 đồng chi phí giám định là có cơ sở. Do kết quả giám định không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của anh Điều Nguyễn Hồng P là có căn cứ nên căn cứ khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H không phải trả số tiền 1.200.000 đồng chi phí giám định cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của ông H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên anh Điều Nguyễn Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên ông Phạm Chí H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Chí H. Sửa bản án sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Điều Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu ông Phạm Chí H trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và chi phí giám định là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Anh Điều Nguyễn Hồng P phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh P đã nộp 3.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012428 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M nên còn phải nộp tiếp 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Ông Phạm Chí H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014286 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn